GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TỈNH TIỀN GIANG
BAN TRỊ SỰ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tiền Giang, ngày 20 tháng 02 năm 2023

ĐỀ CƯƠNG KHẢO HẠCH
ĐẠI GIỚI ĐÀN HUỆ ĐĂNG

(DÀNH CHO GIỚI TỬ TỲ KHEO NI & THỨC XOA MA NA)

I. VẤN ĐÁP

A. Kinh

1. Kinh Pháp Cú
2. Hai thời công phu

B. Luật

1. Tỳ Ni
2. Sa Di Ni
3. Oai Nghi
4. Quy Sơn Cảnh Sách

C. Luận - Sử

1. Giáo lý căn bản
2. Sử Phật và Thánh Chúng

II. ĐỀ LUẬN

Câu 1. *"Giới Luật là thọ mạng của Phật pháp"* giới tử hãy phân tích lời dạy trên để cho thấy những giá trị của giới luật?

Câu 2. Hãy cho biết lợi ích của việc gìn giữ giới luật trong đời sống tu tập của hàng xuất gia?

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI CÂU HỎI

(Đây là tập tài liệu hướng dẫn trả lời những câu hỏi có tính chất cơ bản nhất, nhằm giúp ích phần nào cho quý vị Giới Tử trong việc học bài. Nếu muốn hiểu rộng hơn thì quý vị nên tham khảo tài liệu thêm).

I. VẤN ĐÁP

A. KINH

1. KINH PHÁP CÚ

Câu 1. Đọc và nói đại ý bài kệ 50, 51?

Kệ 50:

Không nên nhìn lỗi người,
Người làm hay không làm,
Nên nhìn tự chính mình,
Có làm hay không làm.

Kệ 51:

Như bông hoa tươi đẹp,
Có sắc nhưng không hương.
Cũng vậy lời nói khéo,
Không làm không kết quả.

<u>Đại ý:</u>

Kệ 50, 51: Đức Phật khuyên chúng ta hãy luôn tự khắc kỷ lấy mình, luôn tìm chỗ dở, chỗ chưa làm được của mình mà cố gắng sửa đổi để ngày một hoàn thiện hơn, chớ tìm chỗ hay dở của người khác mà chê bai, châm chọc, vì đó không phải là hành vi của bậc trượng phu và phải sống một đời sống tự tại giải thoát, không bị ràng buộc bởi ngũ dục, có như vậy mới không uổng chí xuất gia của mình.

Câu 2. Đọc và nói đại ý bài kệ 52, 78?

Kệ 52:

Như bông hoa tươi đẹp,
Có sắc lại thêm hương.
Cũng vậy lời nói khéo,
Có làm có kết quả.

Kệ 78:

Chớ thân bạn xấu ác,
Chớ thân kẻ đê hèn.
Hãy thân bạn hiền lành,
Hãy thân người cao thượng.

<u>Đại ý:</u>

Kệ 52: Lời nói phải luôn đi đôi với việc làm, cũng như loài hoa có sắc phải có hương thơm cao quý, chúng ta cũng như thế học đi đôi với hành thì mới là một người có ích cho xã hội.

Kệ 78: Bạn bè là người cần thiết an ủi hay chỉ bảo cho ta những điều bất toàn, nhưng kết bạn cũng có nhiều trường hợp: Kết bạn như hoa, kết bạn như cân, kết bạn như núi, kết bạn như đất. Bạn bè vì điều kiện cần thiết không thể thiếu trong cuộc sống, tuy nhiên kết bạn như thế nào để được lợi ích, như trường hợp kết bạn như đất ở trên.

Câu 3. Đọc và nói đại ý bài kệ 13, 14 trong phẩm Song Yếu?

Kệ 13:

Như ngôi nhà vụng lợi,
Nước mưa len lõi vào.
Tâm không tu cũng vậy,
Tham dục rỉ rã vào.

Kệ 14:

Như ngôi nhà khéo lợp,
Nước mưa không thấm vào.
Tâm khéo tu cũng vậy,
Tham dục khó lọt vào.

<u>Đại ý:</u>

Kệ 13: Tham dục sẽ đâm thủng tâm người không tu tập, dễ dàng như giọt mưa rơi vào ngôi nhà trống.

Kệ 14: Người nhất tâm chánh niệm tu tập, tham dục không thể chi phối được, cũng như ngôi nhà kín nước mưa khó lọt vào.

Câu 4. Đọc và nói đại ý bài kệ 49, 54 trong phẩm Hoa?

Kệ 49:

Tỳ kheo vào làng xóm,
Như ong đến vườn hoa.
Lấy mật xong bay ra,
Không hại gì hương sắc.

Kệ 54:

Hương các loại hoa thơm,
Không thể bay ngược gió.
Hương người đức hạnh đó,
Ngược gió bay muôn phương.

<u>Đại ý:</u>

Kệ 49: Là một bậc Sa Môn không nên gây tổn hại cho bất cứ ai, mà chỉ vì mục đích thăng hoa cho tự thân trên bầu trời an lạc và mở rộng con đường tươi mát cho chúng sanh.

Kệ 54: Dù loài hoa quý ngàn năm nở một lần, cũng không thể bay ngược chiều gió, nhưng hương thơm tiếng lành, phạm hạnh của bậc có giới đức vang khắp 10 phương.

Câu 5. Đọc và nói đại ý bài kệ 103, 111 trong phẩm Ngàn?

Kệ 103:

Dù tại bãi chiến trường,
Thắng hàng ngàn quân địch.
Cũng không bằng tự thắng mình,
Chiến công ấy kỳ tích.

Kệ 111:

Dù sống đến trăm năm,
Không trí tuệ, an tịnh.
Chẳng bằng sống một ngày,
Có trí tuệ thiền định.

<u>Đại ý:</u>

Kệ 103: Đức Phật ca ngợi người tự thắng chính mình là người biết giữ gìn thân, khẩu, ý một cách trong sạch, không hơn thua điều gì bất cứ với ai, hay nói một cách khác là người biết kiềm chế hành vi của mình, không bao giờ biểu lộ sự thô tháo khi gặp nghịch cảnh. Và cũng chính tự mình phát huy hạnh tinh tấn, quyết không để sự giải đãi làm lu mờ tâm trí.

Kệ 111: Giá trị cuộc sống không tính bằng thời gian sống mà là ý nghĩa sống. Vì thế, sống trăm năm mà mãi mê chìm đắm trong tham dục khổ não, thì chẳng bằng sống một ngày có trí tuệ để chặt đứt vô minh phiền não sanh tử.

2. **HAI THỜI CÔNG PHU :**

Nội dung : Kinh A Di Đà, Hồng Danh Sám Hối, Mông Sơn, Lăng Nghiêm và Thập Chú.

B. LUẬT

1. TỲ NI

Câu 1. Đọc đầy đủ kệ chú của ba Y, kể tên và nêu chức năng của từng Y?

Kệ chú

Ngũ điều Y:

Thiện tai giải thoát phục,

Vô thượng phước điền y.

Ngã kim đảnh đới thọ,

Thế thế bất xả ly.

Án, tất đà da tóa ha (3 lần)

Thất điều Y:

Thiện tai giải thoát phục,

Vô thượng phước điền y.

Ngã kim đảnh đới thọ,

Thế thế thường đắc phi.

Án, độ ba độ ba tóa ha (3 lần)

Cửu điều Y:

Thiện tai giải thoát phục,

Vô thượng phước điền y.

Phụng trì Như Lai mạng,

Quảng độ chư chúng sanh.

Án, ma ha ca bà, ba tra tất đế tóa ha (3 lần)

- **Chức năng**

Y năm điều: Tiếng Phạn gọi là An Đà Hội, cũng gọi là y trung túc, hạ y hay tạp tác y. Phàm trong chùa làm việc nhọc, đi đường ra vào qua lại phải đắp y này.

Y bảy điều: Tiếng Phạn gọi là Uất Đa La Tăng, đây kêu là thượng trước y cũng gọi là y nhập chúng. Phàm lạy Phật cùng sám hối, tụng kinh, ngồi thiền, việc phó trai, nghe kinh bố tát, tự tứ phải đắp y này.

Y chín điều: Tiếng Phạn gọi là Tăng Già Lê, xứ này dịch là hiệp, cũng kêu là trùng, cũng kêu là y tạp toái. Phàm vào vương cung lên tòa nói pháp, vào tụ lạc, đi khất thực, phải đắp y này.

- **Lại pháp y này có chín phẩm:**

Phẩm hạ có ba bậc là: chín điều, mười một điều, mười ba điều

Phẩm trung có ba bậc là: mười lăm điều, mười bảy điều, mười chín điều

Phẩm thượng có ba bậc là: hai mươi mốt điều, hai mươi ba điều, hai mươi lăm điều.

Câu 2. Ai đã khai sáng ra Luật Tỳ Ni? Với mục đích gì?

Bộ Luật Tỳ Ni Nhật Dụng là do ngài Luật sư Kiến Nguyệt (hiệu Độc Thể tự Hoằng Giới), ở núi Hoa Sơn đời nhà Thanh ở Trung Hoa thể theo tâm từ của Phật trước kia, mà muốn cho tròn đầy trí đức của những kẻ hậu học. Ngài đã lược rút ở phẩm Tịnh Hạnh trong kinh Hoa Nghiêm. Mục đích để người sơ cơ làm chuẩn tắc thân tâm, khắp bốn oai nghi suốt ngày đêm, và lấy đó làm thềm bậc tiến đạo.

Câu 3. Bộ Tỳ Ni gồm 54 bài kệ, 38 câu chú, nhưng nội dung gồm những gì?

Bộ Tỳ Ni gồm 54 bài kệ, 38 câu chú, thì tùy nội dung mỗi bài mà có khác, nhưng tóm lại nội dung có 2 ý chính:

a. Ước về tam tụ tịnh giới (bài kệ có 4 câu) Câu 1: Nhiếp luật nghi giới, Câu 2: Nhiếp thiện pháp giới, Câu 3,4: Nhiêu ích hữu tình giới.

b. Ước về tứ hoằng thệ nguyện Câu 1: Nguyện học các pháp môn, Câu 2: Nguyện độ chúng sanh, Câu 3,4: Nguyện dứt phiền não và nguyện thành Phật.

Câu 4. Theo truyền thống Phật giáo, Đức Phật bắt đầu dạy Tỳ Ni cho ai, tại đâu? và mục đích giáo dục là gì?

Theo truyền thống Phật giáo, Đức Phật bắt đầu dạy bộ Luật Tỳ Ni cho ông Tu Đề Na ở nước La Duyệt Kỳ, đây đánh dấu thời kỳ giới luật Phật giáo ra đời.

Mục đích nhằm để ngăn ngừa, xử đoán những việc khai, giá, trì, phạm, danh, chủng, tánh, tướng của hành giả và để điều trị các oai nghi, tánh tình của người tu tập.

Câu 5. Dựa vào đâu? Nói hành trì Tỳ Ni làm tăng trưởng tâm Bồ Đề?

Chúng ta thấy bộ Tỳ Ni tuy ngắn gọn nhưng chứa đựng những nghĩa lý sâu xa, như nói về pháp tánh viên dung như những câu: *"Vào cảnh pháp môn, tâm vô ngăn ngại hay đặng mất không ngại, thấy tất cả Phật"*.

Lại nữa hành trì Tỳ Ni từ sáng đến tối xúc đối các cảnh đều phát nguyện lớn *"cầu cho chúng sanh"* lìa các tội lỗi, thanh tịnh ba nghiệp, luôn nghĩ nhớ đến sự phát tâm, lập nguyện đó chính là việc làm tăng trưởng tâm Bồ Đề vậy.

2. SA DI NI

Câu 1. Thức - xoa - ma - na nghĩa là gì?

- Tiếng phạm là Thức - xoa – ma - na. Trung Hoa dịch là "học nữ", nghĩa là trong 2 năm học 3 pháp:

1. Giới căn bản tức là 4 giới trọng.

2. Học 6 pháp nghĩa là yết ma thọ giới được đắc giới.

3. Học pháp hành nghĩa là tập học tất cả giới và uy nghi của bậc đại ni.

Câu 2. Giới tử kể 4 học giới căn bản của Thức - xoa - ma – na?

- Bốn học giới căn bản của Thức - xoa - ma – na:

1. Không được làm hạnh bất tịnh, làm việc dâm dục. Nếu cô Thức – xoa - ma - na làm việc dâm dục cho đến với súc sinh liền chẳng phải là Thức - xoa - ma - na, không phải là gái lành họ thích, đây là phạm trọng tội.

2. Không được trộm cắp cho đến ngọn cỏ lá cây. Nếu cô Thức – xoa – ma - na trộm vật đáng năm đồng tiền, hoặc tự lấy, hoặc bảo người lấy, tự chặt hay bảo người chặt, tự phá hay đốt, chôn, làm hoại sắc, liền chẳng phải thức xoa - ma - na, chẳng phải gái lành họ thích, đây là phạm trọng tội.

3. Không được cố đoạn mệnh chúng sanh cho đến con kiến hay bảo người đoạn mệnh. Nếu Thức - xoa - ma - na tự tay đoạn mạng người, cầm dao đưa cho người, xúi chết, khen chết, cho uống thuốc độc, làm đọa thai, yểm bùa, trù rủa, bảo người làm, liền chẳng phải Thức – xoa - ma - na, chẳng phải gái lành họ thích, đây là phạm trọng tội.

4. Không được nói càn cho đến cười giỡn. cô Thức xoa ma na không chân thật, chưa được mà tự xưng đã được pháp hơn người, được pháp thiền, pháp giải thoát, tam muội chánh thọ, tu đà hoàn cho đến quả a la hán, trời, rồng, quỷ thần lại cúng dường,

liền chẳng phải Thức - xoa - ma - na, chẳng phải gái lành họ thích, đây là phạm trọng tội.

Câu 3. Hãy nêu 6 pháp học của Thức – xoa – ma – na?

Sáu pháp học của Thức – xoa - ma - na:

1. Thức - xoa – ma - na cùng nam tử có tâm nhiễm ô, 2 thân xúc chạm, phạm giới phải thọ lại.

2. Thức - xoa - ma - na có tâm trộm cắp, lấy vật đáng giá kém 5 tiền, phạm giới phải thọ lại.

3. Thức - xoa – ma - na đoạn mệnh súc sanh không thể biến hóa, phạm giới phải thọ lại.

4. Thức – xoa - ma - na ở trong chúng cố ý vọng ngữ, phạm giới phải thọ lại.

5. Thức - xoa - ma - na ăn phi thời, phạm giới phải thọ lại.

6. Thức - xoa - ma - na uống rượu, phạm giới phải thọ lại.

Câu 4. Giới tử hãy giải thích tại sao giới Thức – xoa – ma – na lấy giới dâm làm đầu, trong thập giới sa di ni lấy giới sát đệ nhứt?

Thức - xoa - ma - na là thềm thang của Tỳ kheo ni, mục tiêu cứu cánh của Tỳ kheo ni là thoát ly sanh tử, muốn vĩnh ly sanh tử phải chấm dứt việc dâm dục. Nghĩa của sa di là tức từ, chủng tử xấu ác, thói quen sát sanh từ nhiều đời. Mới vào cửa đạo học làm cô sa di ni, đức Phật dạy phải nuôi dưỡng lòng từ bi không sát sanh.

Câu 5. Cô Thức – xoa – ma – na phải theo Hòa thượng ni học pháp và hành pháp đúng bao nhiêu năm mới được thọ giới cụ túc?

Cô Thức - xoa - ma - na phải theo Hòa thượng ni đúng 2 năm để học pháp và hành pháp thì mới được thọ giới cụ túc.

Câu 6. Nếu cô Thức – xoa – ma – na phạm một trong 4 giới trọng thì như thế nào?

Nếu cô Thức – xoa – ma – na trong bốn giới trọng tùy theo phạm một tội giới nào liền bị diệt tẩn sau không được thọ Tỳ kheo ni giới cũng không được trở lại làm

Thức – xoa - ma - na, Sa di ni, Ưu bà di nữa. Dù có theo thầy cưỡng thọ cũng không đắc giới còn mắc tội nặng, thọ của tín thí phạm tội ăn trộm.

Câu 7. Nếu Thức – xoa – ma – na phạm một pháp nào trong sáu pháp học phải như thế nào?

Trong sáu pháp học, nếu cô Thức - xoa – ma - na phạm một pháp nào liền gọi là khuyết giới, lại phải yết ma cho học lại như ban sơ, học đủ hai năm, nếu hai năm chưa đủ không cho thọ đại giới.

Câu 8. Cô Thức – xoa – ma – na muốn thọ giới cụ túc phải bao nhiêu tuổi và phải chuẩn bị những pháp cụ gì?

Cô Thức - xoa - ma - na muốn thọ giới cụ túc phải đúng 20 tuổi và phải chuẩn bị đủ ba y *(y ngũ, y thất, y cửu)*, một bát ứng khí, một đãy lọc nước, một phu cụ, tất cả đều không được tạm mượn.

3. OAI NGHI

Câu 1. Hãy trình những oai nghi kính bậc đại Sa môn như thế nào?

Không được gọi tên chữ của bậc đại Sa môn một cách trực tiếp, mà phải gọi là thượng gì ... hạ gì ... không được lén nghe bậc đại Sa môn thuyết giới không được nói lầm lỗi của bậc đại Sa môn khi thấy bậc đại Sa môn đi qua ta phải đứng dậy chào hỏi, ngoại trừ đang đọc kinh, đang bệnh, cạo tóc, đang ăn cơm hay lúc đang làm việc trong chúng.

Câu 2. Khi hầu Thầy phải có những oai nghi gì?

Nên dậy sớm, muốn vào cửa phải khảy móng tay, nếu có lỗi Thầy dạy không được nói trả nghịch lại, Thầy bảo đổ đồ bất tịnh không nên khạc nhổ, giận tức. Muốn lễ bái Thầy đang ngồi thiền, kinh hành, thọ thực, thuyết kinh, chải răng, tắm rửa, ngủ nghỉ v.v... đều không nên làm lễ.

Khi đem đồ ăn uống cho Thầy phải bưng hai tay. Hầu Thầy không được đứng đối diện, không đứng chỗ cao, quá xa mà phải đứng sau, khi Thầy nói mình dễ nghe để khỏi làm phí sức Thầy.

Nếu thưa hỏi việc Phật pháp phải quỳ chắp tay, nếu nhưng việc thường thì đứng thẳng chắp tay. Nếu phạm giới không được che giấu phải mau đến Thầy thiết tha sám hối.

Thầy nói chưa xong không được nói. Không được ngồi nằm nơi giường võng của Thầy. Không được mặc áo mão của Thầy.

Khi đi công việc của Thầy phải mau trở về. Thầy tiếp khách phải đứng cạnh hoặc đứng sau Thầy, Thầy không cho phép ngồi không nên ngồi...

Khi Thầy bệnh phải hết lòng chăm sóc. Không được ngủ nghỉ trước Thầy, không được rời Thầy quá sớm, nếu có đi xa phải luôn nhớ lời Thầy dạy.

Câu 3. Hãy trình bày những oai nghi khi đến chùa Ni?

Có chỗ ngồi khác mới ngồi, không có chỗ ngồi khác chẳng nên ngồi. Không được nói không phải lúc. Khi về chẳng đặng nói sự tốt xấu của họ.

Chẳng nên thư từ qua lại và cậy mượn cắt, may, giặt, nhuộm ... Chẳng nên chính tay mình vì họ cạo tóc. Chẳng nên cùng ngồi chỗ khuất.

Câu 4. Có nên cùng kết nghĩa làm cha mẹ, anh em, chị em không?

Không nên vì người xuất gia bỏ nghĩa song thân, dứt tình thân quyến thuộc, rời nhà ra đi là quyết chí cắt mọi ràng buộc, để làm cha mẹ, anh em, chị em, thì thật là điên đảo, như tự lấy dây mà trói buộc mình không khác.

Câu 5. Tại sao khi đến nhà đàn việt phải dè dặt và chớ nói phi thời?

Trong kinh có dạy: Diễn nói giáo pháp không nhằm cơ, không nhằm thời, chẳng phải chỗ không thỉnh mà nói, tức là khinh tâm, khinh pháp, khen mình và đụng đâu nói đó là cơ hại cho Phật Pháp. Lại nữa có một số người hỏi không thật hảo tâm, không phải hỏi cho biết mà hỏi với mục đích khác vì thế phải luôn dè dặt lời nói.

4. QUY SƠN CẢNH SÁCH

Câu 1. Khi xuất gia tâm khắc kỹ điều gì? Mới có chút phần Phật Tổ?

Khi xuất gia tâm luôn nhớ kỹ:

Âm: Từ thân quyết chí phi truy, ý dục đẳng siêu hà sở. Hiểu tịch tư thổn, khởi khả thiên diên quá thời! Tâm kỳ Phật pháp đống lương, dụng tác hậu lai quy cảnh.

Thường dĩ như thử, vị năng thiểu phần tương ứng. Xuất ngôn tu thiệp ư điển chương, đàm thuyết nãi bàng ư kê cổ. Hình nghi đĩnh đạc, ý khí cao nhàn. Viễn hành yếu giả lương bằng, sác sác thanh ư nhĩ mục. Trụ chỉ tất tu trạch bạn, thời thời văn ư vị văn.

Câu 2. Điển tích "Ngạn Thọ Tỉnh Đằng"

Trong kinh Đại Tập nói rằng: Xưa có một người bị hai con voi say rượt đuổi, đến bên một cái giếng liền nắm rễ cây bên cạnh mà leo xuống, đến nửa chừng lại thấy có ba con rồng móng dài phun lửa ở bên dưới. Người ấy phải nắm dây ở giữa giếng, lại có 2 con chuột đen trắng thay nhau gậm rễ cây khiến nó sắp đứt, bên cạnh có bốn con rắn độc mở miệng muốn mổ tới mình. Ngước lên lại thấy hai con voi đã đến gầm gừ bên miệng giếng. Bỗng có một bầy ong bay qua làm rơi 5 giọt mật vào miệng. Người nầy hốp mật mà quên tất cả nguy hiểm.

- Hai con voi say: Dụ cho sanh, tử
- Rễ cây: Mạng căn
- Hai con chuột: Ngày và đêm
- Bốn con rắn: 4 đại
- Ba con rồng: 3 độc
- Năm giọt mật: Ngũ dục

Câu 3. Câu nào nói lên tâm huyết của Tổ Quy Sơn đối với hàng hậu học?

Âm: Phục vọng, hưng quyết liệt chi chí, khai đặc đạt chi hoài. Cử thố khán tha thượng lưu, mạc thiện tùy ư dung bỉ. Kim sinh tiện tu quyết đoán, tưởng liệu bất do biệt nhân. Tức ý vong duyên, bất dữ chư trần tác đối, tâm không cảm tịch, chỉ vị cửu trệ bất thông.

Nghĩa: Cúi mong các vị làm nổi bật chí khí quyết liệt, mở rộng lòng dạ hướng thượng. Làm việc gì phải xem bậc thượng lưu, đừng chuyên theo người tầm thường thô tục. Đời nay mình phải quyết đoán, định liệu không do người khác. Dứt ý quên duyên, không đối đãi với các cảnh trần. Tâm không cảnh lặng, chỉ vì đọng lâu không thông.

Câu 4. Đọc âm, nghĩa đoạn "Phù xuất gia giả…. tương hà bằng thị"?

Âm: Phù xuất gia giả, phát túc siêu phương, tâm hình dị tục. Thiệu long thánh chủng, chấn nhiếp ma quân. Dụng báo tứ ân, bạt tế tam hữu. Nhược bất như thử, lạm xí Tăng luân. Ngôn hạnh hoang sơ, hư triêm tín thí. Tích niên hành xứ, thốn bộ bất di. Hoảng hốt nhất sinh, tương hà bằng thị.

Nghĩa: Ôi, người xuất gia, cất bước chân đi phải có ý niệm siêu việt phương sở, tâm hình khác tục. Nối tiếp Phật chủng một cách rạng rỡ, làm cho ma quân rúng động, khuất phục. Báo đáp bốn ơn, cứu vớt ba cõi. Nếu không được như thế. Chỉ là lạm dự hàng Tăng! Nói, làm hời hợt, dùng của tín thí một cách uổng phí! Chỗ hành xử của những năm xưa, một tấc, một bước không dời đổi. Một đời hoảng hốt, lấy gì nương cậy!

Câu 5. Hãy cho biết người xuất gia lấy gì làm sự nghiệp tu tập giải thoát?

Lòng người không bao giờ biết đủ, không bao giờ thấy chán chỉ một bề mong cầu cho được nhiều, được mãi không thôi. Song, càng tham muốn nhiều thì tội lỗi càng tăng thêm. Đó là tâm niệm của người thế gian còn nhiều mê mờ.

Ngược lại, Bồ Tát các Ngài không giống như thế gian, các Ngài thường biết đủ an vui trong cảnh nghèo. Để giữ gìn đạo đức và lúc nào cũng lấy trí tuệ làm sự nghiệp, chứ không nghĩ gì khác hơn tiền của, vật chất, danh lợi ... đối với các Ngài là pháp hữu vi không bền không thật, các Ngài không lấy đó làm quý làm trọng, mà chỉ một bề lo vun bồi trí tuệ và lòng từ bi ngày càng thêm lớn.

Người chỉ lo cho có nhiều của cải, vật chất, là người thiển cận chưa biết lo xa, nên gọi là chúng sanh mê lầm. Còn người không chạy theo ngũ dục thế gian, chỉ lấy trí tuệ làm sự nghiệp, là người biết lo xa, là Bồ Tát giác ngộ vậy. Tâm an trí sáng, lòng an vui làm chủ, thương ghét không dính mắc, thì không hàng phục tự nó cũng làm chủ, không chiến mà thắng, trí tuệ bén nhạy linh hoạt. Đó chẳng phải là sự nghiệp của người tu Phật.

C. LUẬN - SỬ

1. GIÁO LÝ CĂN BẢN

Câu 1. Bốn nhiếp pháp là gì?

Là bốn phương pháp lợi tha để nhiếp phục chúng sanh, cảm hóa họ quay về với Phật pháp.

Bố thí nhiếp: do bố thí mà cảm hóa chúng sanh, khiến họ gần gũi thương mến và cầu mong học đạo. Chúng sanh nào thích tài vật thì bố thí tài vật, thích pháp thì bố thí pháp v.v...

Ái ngữ nhiếp: dùng lời nói hòa nhã, dịu dàng, từ ái mà an ủi khuyên lơn, khiến chúng sanh cảm phục sanh tâm thân ái theo học đạo.

Lợi hành nhiếp: làm lợi ích cho chúng sanh bằng ý nghĩ, lời nói hay hành đồng khiến người cảm phục.

Đồng sự nhiếp: nhờ pháp nhãn, thấy rõ cảm tính, tùy theo sự ưa thích của chúng sanh mà thị hiện cùng nhau làm việc, để gần gũi khiến chúng sanh được lợi ích.

Câu 2. Kể ra Tam Tạng và 12 bộ kinh?

- Tam tạng gồm: Kinh Tạng, Luật Tạng, Luận Tạng. Ba Tạng này đều chứa đựng những giáo nghĩa của Phật nên gọi là Tạng.

- 12 bộ kinh:

1. Trường hàng
2. Trùng tụng
3. Cô khởi
4. Thí dụ
5. Nhân duyên
6. Tự thuyết
7. Bổn sanh
8. Bổn sự
9. Vị tằng hữu
10. Phương quảng
11. Luận nghị
12. Ký biệt (thọ ký).

Câu 3. Tứ đế là gì? Kể ra và giải thích?

Tứ là 4, đế là sự chắc thật, chân thật, không sai, vi diệu, cao quý. Tứ đế còn gọi là tứ diệu đế, tứ thánh đế, tứ chân đế có nghĩa là 4 sự thật chắc chắn đúng với chân lý mà Đức Phật đã dạy.

Khổ đế: là sự thật về thực trạng khổ đau của chúng sanh trong ba cõi.

Tập đế: là sự thật về những nguyên nhân dẫn đến nỗi khổ mà chúng sanh phải gánh chịu.

Diệt đế: là sự thật về sự an lạc giải thoát có được sau khi đoạn trừ hết những nguyên nhân của khổ đau.

Đạo đế: là sự thật về con đường hay phương pháp tu tập để đạt đến những sự an lạc giải thoát mà trong kinh gọi là Niết Bàn.

Câu 4. Sáu phép hòa kính là gì? Kể ra và giải thích?

Còn gọi là lục hòa, tức là sáu phép cư xử với nhau trong một tăng đoàn để đem lại sự hòa hợp thật sự. Sự hòa hợp này giúp cho đoàn thể tồn tại và phát triển, giúp cho mỗi cá nhân hoàn thiện nhân cách, tiến đến mục đích giải thoát.

1. Thân hòa đồng trụ: khi ở chung trong một cộng đồng thì phải phân phối nơi ăn chốn ở cho tiện nghi, cùng làm việc, cùng tu học.
2. Khẩu hòa vô tranh: nói lời ôn hòa, chân thật, dịu dàng, tránh tất cả lời nói gây xích mích, cải vã.
3. Ý hòa đồng duyệt: biết nghe, tôn trọng ý kiến của người, không cố chấp bảo thủ.
4. Giới hòa đồng tu: cùng nhau hành trì những giới luật đã truyền thọ và ban hành.
5. Kiến hòa đồng giải: chia sẽ sự hiểu biết, kiến thức cho nhau, để cùng được hiểu biết.
6. Lợi hòa đồng quân: vật thực, đồ dùng, tiện nghi, lợi dưỡng phân chia đồng đều hay cùng hưởng chung.

Câu 5. Hãy kể 37 phẩm trợ đạo?

Ba mươi bảy phẩm trợ đạo là 37 yếu tố làm trợ duyên cho hành giả trên đường tu tập giải thoát gồm có:

- Tứ niệm xứ: quán thân bất tịnh, quán tâm vô thường, quán thọ thị khổ, quán pháp vô ngã.
- Tứ chánh cần: việc ác chưa sanh khiến đừng sanh, việc ác đã sanh hãy dứt trừ, việc thiện chưa sanh làm cho phát sanh, việc thiện đã sanh khiến tăng trưởng.
- Tứ như ý túc: dục như ý túc, tinh tấn như ý túc, nhất tâm như ý túc, quán như ý túc.
- Ngũ căn: tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, huệ căn.
- Ngũ lực: tín lực, tấn lực, niệm lực, định lực, tuệ lực.
- Thất bồ đề phần: trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, xả, định, niệm.
- Bát chánh đạo: chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

2. SỬ PHẬT VÀ THÁNH CHÚNG

Câu 1. Khái quát lịch sử Đức Phật ?

Đức Phật Thích Ca là con của vua Tịnh Phạn và hoàng hậu Ma Gia. Ngài tên thật là Tất Đạt Đa.

Ngài đản sinh vào ngày 14 tháng 04 năm 623 trước công nguyên *(có thuyết nói Đức Phật Đản sanh ngày mùng 8 tháng 4 năm 623 trước công nguyên)* tại vườn Lâm Tỳ Ni, Thành Ca Tỳ La Vệ thuộc Trung Bắc Ấn Độ.

Ngài sinh ra đã có đủ 32 tướng tốt 80 vẻ đẹp, thuở nhỏ Ngài là người rất thông minh hoạt bát và giàu lòng từ được vua cha thương yêu, bá quan văn võ kính trọng.

Từ năm 7 đến 13 tuổi, Ngài được vua cha cho học cả văn lẫn võ với trí tuệ siêu việt của mình Ngài đã lãnh ngộ tất cả những tinh hoa của các danh sự truyền thụ.

Lớn lên Ngài được vua cha cưới công chúa Da Du Đà La làm vợ. Một hôm Ngài đi dạo bốn cửa thành thấy cảnh già - bệnh - chết và một vị tu sĩ đã làm cho tâm Ngài muốn xuất gia cầu đạo giải thoát.

Năm 19 tuổi *(Theo Nam Tông thì lúc ấy Thái Tử 29 tuổi)*, Ngài trốn hoàng cung tự cạo bỏ râu tóc xuất gia tu đạo, trải qua năm năm tầm sư, sáu năm khổ hạnh.

Trải qua những năm tháng tu tập. Một hôm Ngài quyết định toạ thiền dưới cây bồ đề phát nguyện không chứng đạo quả không đứng dậy.

Sau 49 ngày tư duy thiền quán Ngài đã chứng ngộ chân lý tối thượng. Bài pháp đầu tiên Ngài giảng thuyết là Tứ Diệu Đế cho năm anh em Kiều Trần Như tại vườn Lộc Uyển. Trải suốt 45 năm *(có thuyết cho là* 49 *năm)* thuyết pháp độ sinh trên 300 hội, độ được vô số chúng sanh.

Năm 80 tuổi Ngài nhận thấy cơ duyên đã mãn nên quyết định nhập Niết Bàn tại rừng Ta La Song Thọ.

Xá Lợi của Ngài chia thành 8 phần để phụng cúng tôn thờ, trong số đệ tử của Ngài có 10 vị đại đệ tử xuất sắc.

Những lời dạy trong suốt 45 năm của Ngài được chúng Thánh đệ tử kết tập lại thành Tam Tạng Thánh Điển.

Câu 2. Giới thiệu về những đại đệ tử trong hàng xuất gia của Phật?

Trong suốt quãng đời hoằng hoá độ sanh của Đức Thế Tôn, Ngài đã hoá độ vô lượng, vô số chúng sanh, giác ngộ chúng sanh giải thoát sanh tử và luôn luôn lúc nào cũng có 1250 vị Tỳ Kheo hầu cận bên Ngài. Nói đến hàng xuất gia đệ tử của Phật thì có rất nhiều vị nổi tiếng giới đức khiêm ưu, trí tuệ siêu phàm.

Trong đó nổi bật và xuất sắc nhất có 10 vị mà sử sách gọi là Thập Đại Đệ Tử. Mỗi vị có một đặc thù riêng biệt mà không một ai có thể có được. Mười vị đại đệ tử đó là:

1- Xá Lợi Phất: Trí tuệ đệ nhất

2- Mục Kiền Liên: Thần thông đệ nhất

3- Phú Lâu Na: Thuyết pháp đệ nhất

4- Tu Bồ Đề: Giải Không đệ nhất

5- Ca Chiên Diện: Luận Nghị đệ nhất

6- Đại Ca Diếp: Đầu Đà đệ nhất

7- A Na Luật: Thiên Nhãn đệ nhất

8- Ưu Ba Li: Trì Giới đệ nhất

9- A Nan: Đa Văn đệ nhất

10- La Hầu La: Mật Hạnh đệ nhất.

Câu 3. Đọc bài kệ tóm lượt năm thời thuyết giáo của đức Phật?

Hoa Nghiêm tối sơ tam thất nhựt
A-hàm thập nhị Phương Đẳng bát
Nhị thập nhị niên Bát-nhã đàm
Pháp Hoa, Niết-bàn cộng bát niên.

(Trước nói Hoa Nghiêm hai mốt ngày
A-hàm mười hai, Phương Đẳng tám
Hai mươi hai năm nói Bát-nhã
Pháp Hoa, Niết-bàn cộng tám năm).

Câu 4. Hãy kể tên 3 vị tổ Trúc Lâm? Ai là người xiển dương thiền phái Trúc lâm đương thời?

Sơ tổ Trần Nhân Tông, nhị tổ Pháp Loa và tam tổ Huyền Quang, Trưởng lão Hòa thượng Thích Thanh Từ.

II. ĐỀ LUẬN *(Chọn 1 trong 2).*

Câu 1. *"Giới Luật là thọ mạng của Phật pháp"* giới tử hãy phân tích lời dạy trên để cho thấy những giá trị của giới luật?

Câu 2. Hãy cho biết lợi ích của việc gìn giữ giới luật trong đời sống tu tập của hàng xuất gia?